

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDDT-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

V/v hướng dẫn thực hiện chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập, từ năm học 2025-2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;
- Hiệu trưởng các trường phổ thông công lập;
- Hiệu trưởng các trường ngoài công lập;
- Thủ trưởng các trung tâm GDNN-GDTX;
- Các trường trực thuộc sở ngành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Công văn số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Công văn số 5870/VP-VX ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2025;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 2515/UBND-VX ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Nhằm thực hiện đúng quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn hướng dẫn thực hiện chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

## **I. HỌC PHÍ ĐỐI VỚI TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH PHỔ THÔNG, NGƯỜI HỌC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP**

### **1. Học phí**

a) Từ năm học 2025-2026 trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong cơ sở giáo dục công lập được miễn học phí theo quy định tại Nghị quyết số 217/2025/QH15 và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

b) Mức học phí sau đây là cơ sở để xác định kinh phí ngân sách cấp bù, không phải mức thu thực tế đối với người học.

- Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên được quy định tại Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 – 2026, cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng/học sinh/tháng

Stt	Cấp học	Mức học phí
1	Mầm non	180.000
2	Tiểu học	80.000
3	Trung học cơ sở	100.000
4	Trung học phổ thông	120.000

- Mức học phí theo hình thức học trực tuyến (học Online) bằng 75% mức học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành. Mức học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

- Học phí đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học.

## **2. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn học phí trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP:

Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục không phải nộp đơn đề nghị miễn học phí. **Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm lập và phê duyệt danh sách người học được miễn học phí.**

## **3. Phương thức cấp bù tiền miễn học phí trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ

**Riêng năm 2025, do Nghị quyết Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND mới ban hành nên kinh phí ngân sách sẽ cấp bù trong năm 2025 cụ thể:**

- Đối với đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện lập dự toán kinh phí học phí học kỳ I năm học 2025-2026 gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định trước ngày 20/11/2025 theo mẫu phụ lục 03 (đính kèm).

- Đối với các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu: các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập thực hiện lập dự toán kinh phí học phí gửi về Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thẩm định, tổng hợp trình cấp thẩm quyền bổ sung kinh phí.

#### **4. Cơ chế miễn học phí trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông**

Ngân sách nhà nước cấp bù đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông để thực hiện chính sách miễn học phí theo mức học phí nêu trên.

Kinh phí cấp bù miễn học phí được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông.

## **II. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP ĐỐI VỚI TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH PHỔ THÔNG, NGƯỜI HỌC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC**

### **1. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:**

Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

### **2. Mức hỗ trợ**

Mức hỗ trợ: 150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/năm học và thực hiện chi trả 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.

### **3. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện hỗ trợ chi phí học tập**

a. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP:

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập, **Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và phê duyệt danh sách người học được hỗ trợ chi phí học tập.**

b) Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP:

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập, **Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm lập danh sách người học được hỗ trợ chi phí học tập gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo thẩm định, phê duyệt.**

#### **4. Phương thức chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập**

a. Phương thức chi trả tiền chi phí học tập đối với các cơ sở công lập:

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b. Phương thức chi trả tiền miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học ở các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; cơ sở giáo dục thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

**\* Đối với các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục trực thuộc các trường đại học và các sở ngành khác**

Phương thức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 238/2025/NĐ-CP.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các cơ sở giáo dục chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (chi trả thông qua cơ sở giáo dục) và thực hiện quyết toán kinh phí với Sở Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định.

**\* Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu**

Phương thức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục và quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập.

#### **5. Lập dự toán và quyết toán kinh phí chi phí học tập**

Lập dự toán theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Quản lý và quyết toán kinh phí theo quy định tại Điều 24 Nghị định 238/2025/NĐ-CP.

### **III. THỰC HIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

#### **1. Đối tượng miễn, giảm học phí trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.**

##### **a. Đối tượng được miễn học phí**

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

##### **b. Đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ học phí**

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **2. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn, giảm học phí**

##### **a. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập**

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí, Thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và phê duyệt danh sách người học được miễn, giảm học phí.

b. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước.

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí, Thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có trách nhiệm xác nhận hồ sơ miễn, giảm học phí đối với người học theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; đồng thời lập danh sách người học được miễn, giảm học phí theo mẫu tại Phụ lục VI Nghị định số 238/2025/NĐ-CP gửi về Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh nơi người học đăng ký thường trú để thực hiện theo quy định.

#### **3. Cơ chế miễn, giảm học phí trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học**

Thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ trong đó lưu ý về cấp bù kinh phí miễn giảm học phí được quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

*“2. Ngân sách nhà nước có trách nhiệm cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cụ thể như sau: “a) Nhà nước cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông để thực hiện việc miễn học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn học phí quy định tại Nghị định này theo mức do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định. ...*

*c) Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí theo mức thu học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, nhưng tối đa không quá mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Nghị định này tương ứng với từng năm học và ngành, khối ngành đào tạo...”*

#### **4. Lập dự toán và quyết toán kinh phí**

Lập dự toán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 và điểm b khoản 3 Điều 22 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

##### **a. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học công lập**

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học căn cứ mức thu học phí tương ứng với từng ngành, nghề đào tạo của trường nhưng tối đa không vượt quá mức trần học phí quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và số lượng đối tượng được miễn, giảm học phí lập danh sách, xây dựng dự toán kinh phí gửi cơ quan dự toán cấp trên thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

**b. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học tư thục; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế**

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu căn cứ mức thu học phí thực tế theo từng ngành, nghề của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học, tối đa không quá mức trần học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên tương ứng với từng ngành, khối ngành được quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, số lượng đối tượng có nơi thường trú trên địa bàn được miễn, giảm học phí học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thục, cơ sở giáo dục thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế để lập danh sách thẩm định, tổng hợp và xây dựng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

Quyết toán kinh phí theo quy định tại Điều 24 Nghị định 238/2025/NĐ-CP.

#### **IV. HỖ TRỢ HỌC PHÍ ĐỐI VỚI TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH PHỔ THÔNG, NGƯỜI HỌC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC DÂN LẬP, TƯ THỰC**

##### **1. Đối tượng được hỗ trợ học phí**

Từ năm học 2025-2026 trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thực được hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị quyết số 217/2025/QH15 và điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

##### **2. Mức hỗ trợ**

Mức hỗ trợ từ năm học 2025-2026 theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND cụ thể theo mức tại mục I.1 Công văn này.

##### **3. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện**

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm lập danh sách người học được hỗ trợ học phí, theo mức hỗ trợ học phí tại mục I.1 công văn này gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo (theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo) thẩm định, phê duyệt.

Lưu ý: Thông tin người học phải được cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh theo số lượng học sinh học thực tế tại trường.

##### **4. Phương thức chi trả tiền hỗ trợ học phí đối với người học ở các cơ sở giáo dục dân lập, tư thực**

a. Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục trong các trường đại học và các cơ sở giáo dục thuộc chức năng quản lý của các sở ngành khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các cơ sở giáo dục chi trả tiền hỗ trợ học phí cho cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (chi trả thông qua cơ sở giáo dục) và thực hiện quyết toán kinh phí với Sở Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định.

Phương thức thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

b. Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục và quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí.

Phương thức thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

## **5. Lập dự toán và chế độ thông tin báo cáo**

### **a. Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu**

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu rà soát số lượng trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn (không phân biệt nơi cư trú của người học) để lập danh sách thẩm định, tổng hợp và xây dựng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí với Ủy ban nhân dân, xã, phường, đặc khu theo quy định: Hồ sơ quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí phụ lục 4 (đính kèm) bao gồm: Mẫu số 01 kèm chứng từ Ủy nhiệm chi, danh sách chi tiết chuyển khoản có xác nhận của ngân hàng), hồ sơ chứng từ hoàn trả tiền (nếu có); Bảng tổng hợp hỗ trợ học phí (mẫu số 03), danh sách học sinh không nhận tiền (nếu có) mẫu số 02.

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND theo phụ lục 01 (đính kèm) về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 30 tháng 6 hàng năm** để theo dõi thực hiện.

### **b. Đối với các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo**

Đề nghị các cơ sở giáo dục rà soát số lượng học sinh học thực tế tại trường và Báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND gồm:

- Phụ lục số 02 (đính kèm) và Quyết định phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ theo hướng dẫn tại mục 3a công văn này.

- Thông tin tài khoản của cơ sở giáo dục theo phụ lục số 03 (đính kèm).

Lưu ý: Cơ sở giáo dục có trách nhiệm rà soát, xác nhận thông tin của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ hoặc người học đảm bảo đúng đối tượng.

Báo cáo gửi trên văn phòng điện tử về Sở Giáo dục và Đào tạo (01 bản ký tên đóng dấu và 01 file mềm). Học kỳ 1 **trước ngày 15 tháng 9**; Học kỳ 2 **trước ngày 10 tháng 01 hàng năm**.

- Hồ sơ quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí phụ lục 4 (đính kèm) bao gồm: Mẫu số 01 kèm chứng từ Ủy nhiệm chi, danh sách chi tiết chuyển khoản có xác nhận của ngân hàng), hồ sơ chứng từ hoàn trả tiền (nếu có); Bảng tổng hợp hỗ

trợ học phí (mẫu số 03), danh sách học sinh không nhận tiền (nếu có) mẫu số 02. Hồ sơ quyết toán gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 31 tháng 5 hàng năm.**

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các sở ngành thông báo đến các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học trên địa bàn Thành phố về chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

- Thông báo trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học thuộc Trung ương đề nghị nhà trường phổ biến chính sách hỗ trợ miễn, giảm học phí cho đối tượng được thụ hưởng và thực hiện việc xác nhận, lập danh sách học sinh, sinh viên theo quy định.

- Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ mức thu học phí của các trường trung học phổ thông công lập do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định và số lượng đối tượng được miễn, giảm, hỗ trợ học phí do các cơ sở giáo dục xác nhận, báo cáo đang học tại các trường trung học phổ thông công lập, ngoài công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo để thẩm định, tổng hợp và xây dựng dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

### **2. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu**

- Có trách nhiệm triển khai thực hiện đúng quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên theo quy định đến các phòng ban chuyên môn và cơ sở giáo dục thuộc chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu. Đồng thời tuyên truyền rộng rãi chính sách trên đến người dân cư trú trên địa bàn để biết và thực hiện (nếu có).

- Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện đúng chính sách miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

### **3. Đối với các cơ sở giáo dục**

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

- Tổ chức thực hiện chính sách về học phí đảm bảo đúng quy định, công khai, minh bạch, không để xảy ra sai sót trong quá trình thực hiện.

- Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị có ý kiến gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo thông qua Phòng Kế hoạch – Tài chính để được hướng dẫn cụ thể.

*(Đính kèm Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của HĐND Thành phố, Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của HĐND Thành phố )./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND Thành phố (để b/c);
- Sở Tài Chính (để phối hợp);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để phối hợp);
- Sở Y tế (để phối hợp);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Các PGĐ Sở GDĐT ( để biết);
- Các Phòng ban chuyên môn thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Nhật Hằng**